

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ HÀNG NGA

**PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN, QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH KON TUM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Hải Ngọc**

Phản biện 1: **TS. Đào Mộng Điệp**

Phản biện 2: **PGS.TS Trần Thị Huệ**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày 29 tháng 6 năm 2022

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu	5
7. Bố cục của luận văn	5
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN	6
1.1. Một số vấn đề lý luận về công ty cổ phần	6
1.1.1. Khái niệm về “Công ty cổ phần”	6
1.1.2. Đặc điểm của Công ty cổ phần	6
1.1.3. Vai trò của công ty cổ phần.....	7
1.2. Khái quát pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.....	7
1.2.2. Nội dung pháp luật về cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần.....	7
1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần	8
1.4. Cấu trúc quản trị nội bộ Công ty cổ phần trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	8
1.4.1. Khái quát về cấu trúc quản trị Công ty cổ phần theo pháp luật.....	8
1.4.2. Cấu trúc quản trị nội bộ Công ty cổ phần ở một số nước trên thế giới.....	9
1.4.3. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	9
Tiểu kết Chương 1	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH KON TUM	11
2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý Công ty cổ phần	11
2.1.1. Thực trạng quy định về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.....	11
2.1.2. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần	15
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum	17
2.2.1. Những kết quả đạt được trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum	17
2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum	19
Tiểu kết Chương 2.....	20

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN.....	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần.....	21
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần	21
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần	22
Tiểu kết Chương 3	23
KẾT LUẬN	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập mạnh mẽ với các nước trong khu vực và quốc tế vì vậy nền kinh tế của đất nước đang có những thay đổi hết sức căn bản để đáp ứng nhu cầu hội nhập. Hình thức Công ty cổ phần ra đời là một tất yếu trong quá trình vận động của nền kinh tế. Ở Việt Nam, kể từ khi Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã mở ra cơ hội, và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân phát huy khả năng sản xuất kinh doanh. Từ đó, hình thức Công ty cổ phần ngày càng phổ biến và chứng minh được vai trò tích cực của nó trong nền kinh tế. Đề phát huy thế mạnh của hình thức công ty này trong nền kinh tế thì trước hết trong nội tại Công ty cổ phần phải hoạt động có hiệu quả, mà vấn đề được quan tâm đầu tiên là cơ cấu tổ chức công ty.

Nhận thức vai trò quan trọng của yếu tố tổ chức trong Công ty cổ phần, pháp luật Việt Nam đã có nhiều chế định liên quan, tạo cơ sở pháp lý chung để những nhà quản lý doanh nghiệp áp dụng vào thực tiễn công ty mình, nhằm làm cho bộ máy Công ty cổ phần vận hành có hiệu quả. Tiếp thu kinh nghiệm pháp luật công ty của các nước phát triển trên thế giới, trong thời gian qua, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong nhận thức và thực tiễn thi hành pháp luật, nếu so sánh với những quy định về Công ty cổ phần nói chung và vấn đề cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần nói riêng thì pháp luật của nước ta đã có cách tiếp cận và phát triển khá bài bản, đã giải quyết được những yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế – xã hội và nhu cầu mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng cao, bên cạnh những mặt tích cực, một số nội dung của Luật doanh nghiệp năm 2014 không còn phù hợp trong hoàn cảnh mới, tạo gánh nặng chi phí, thời gian cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ; một số nội dung cần được sửa đổi để phù hợp với các luật mới ban hành gần đây. Chính vì lẽ đó, ngày 17/6/2020 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã ban hành Luật doanh nghiệp 2020 thay thế cho Luật doanh nghiệp 2014 với mục tiêu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức, quản lý doanh nghiệp đạt chuẩn mực của thông lệ tốt và phổ biến ở khu vực và quốc tế; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút vốn, nguồn lực vào sản xuất - kinh doanh; góp phần nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh theo mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra.

Luật doanh nghiệp năm 2020 được coi là một bước đột phá mới về thể chế, có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa tiếp tục kế thừa, tiếp tục phát huy kết quả và tác động tốt của các cải cách trong các Luật doanh nghiệp 2000, 2005 và 2014 đồng thời đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của luật cũ, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thông thoáng cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư được tự do kinh doanh. Để tiếp tục giữ vững và phát huy được vị trí, vai trò của Công ty cổ phần trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường, để đảm bảo tư cách, quyền lợi cổ đông - một thành tố đóng vai trò nòng cốt trong Công ty cổ phần cần nắm vững các quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức và vận hành công ty. Vì thế, thông qua những phản ánh thực tế của thị trường, việc phân tích

các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành về cơ cấu, tổ chức của Công ty cổ phần sẽ đưa ra nhìn nhận khách quan về những điểm đạt được và tồn tại, hạn chế của Luật. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

Với những lí do trên, học viên lựa chọn đề tài **“Pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần, qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum”** làm đề tài Luận văn Thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Sau khi tiến hành tìm hiểu về tình hình nghiên cứu đề tài, tác giả nhận thấy rằng, pháp luật về Công ty cổ phần nói chung và pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần nói riêng là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, trong đó có thể kể đến một số công trình nghiên cứu sau:

- Nguyễn Văn Bốn (2019), *Quản trị công ty luật theo pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Luận án chủ yếu phân tích những vấn đề lý luận về quản trị công ty luật, pháp luật về quản trị công ty luật, thực trạng pháp luật Việt Nam về quản trị công ty luật và đề xuất những định hướng, giải pháp cụ thể để hoàn thiện thể chế về quản trị công ty luật.

- Hoàng Thị Mai năm (2015), *Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản trị công ty cổ phần*, Luận văn thạc sĩ luật học, khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn chủ yếu phân tích những điểm bất cập, hạn chế, những điểm chưa phù hợp trong quy định của pháp luật qua đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản trị Công ty cổ phần tại Việt Nam.

- Lê Văn Hưng (2018), *Quản trị công ty cổ phần mô hình không có Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2014*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Luận văn chủ yếu phân tích đánh giá thực trạng về quản trị Công ty cổ phần theo mô hình không có Ban kiểm soát từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc quản trị Công ty cổ phần theo mô hình không có Ban kiểm soát ở nước ta;

- Hà Thị Hồng Anh (2015), *Pháp luật về quản trị công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng tại Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn chủ yếu phân tích những vấn đề pháp lý về quản trị công ty cổ phần, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về quản trị Công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng tại Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản trị Công ty cổ phần ở nước ta.

- Trịnh Văn Tài (2016), *Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Luận văn chủ yếu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị nội bộ trong Công ty cổ phần mà cụ thể đó là việc phân chia quyền lực trong Công ty cổ phần ở nước ta. Đồng thời trên cơ sở so sánh, tham khảo cơ chế quản trị nội bộ trong mô hình Công ty cổ phần của một số nước trên thế giới từ đó chỉ ra những vấn đề đã làm được và những tồn tại, cần thay đổi trong cách thức quản trị nội bộ của Công ty cổ phần ở nước ta.

- Nguyễn Hữu Trinh, Lê Văn Tấn, Lê Văn Đại (2021), *Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Công Thương số 13 Bài viết chủ yếu phân tích khái quát về Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và thực trạng quản trị Công ty cổ phần ở nước ta hiện nay từ đó đề xuất một số nội dung để hoàn thiện công tác quản trị Công ty cổ phần ở Việt Nam cho thời gian tới;

- TS Nguyễn Vinh Hưng (2021), *Công ty cổ phần trong môi trường thương mại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 01 (425). Bài viết chủ yếu phân tích ưu điểm, hạn chế của Công ty cổ phần, phân tích tầm quan trọng, vị trí, vai trò và ảnh hưởng của Công ty cổ phần đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển Công ty cổ phần phù hợp với môi trường thương mại Việt Nam hiện nay;

- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (2021), *Nhận định điểm mới của Luật – Tạo bút phá cho doanh nghiệp năm 2021*. Ấn phẩm cung cấp cho người đọc những điểm mới quan trọng của quyền cổ đông trong Luật doanh nghiệp 2020.

Qua nghiên cứu, cho thấy, các công trình nghiên cứu trên phân lớn chỉ đề cập, phân tích về cơ cấu tổ chức quản lý của CTCP dưới góc độ của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chưa phân tích sâu những quy định về quản lý Công ty cổ phần sau khi Luật Doanh nghiệp 2020 được thông qua; và đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Kon Tum; vì vậy, đề tài “*Pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum*” sẽ tham khảo một số nội dung của các công trình; Bên cạnh đó, đóng góp một phần trong việc phân tích, đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật về tổ chức Công ty cổ phần kể từ khi Luật Doanh nghiệp 2020 được ban hành, đồng thời đưa ra một số định hướng và giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu các vấn đề lý luận về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần: một số khái niệm, quan điểm khoa học, các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

Thứ hai, nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua các văn bản pháp luật hiện hành.

Thứ ba, nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại Việt Nam nói chung và qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum nói riêng qua các báo cáo tổng kết của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức được thể hiện ở các số liệu và vụ việc cụ thể.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung*: Luận văn tập trung nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần dưới góc độ pháp luật quy định chủ yếu trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- *Phạm vi về không gian*: Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

- *Phạm vi về thời gian:* Luận văn nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum từ năm 2016 đến năm 2021.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của Luận văn là nghiên cứu, đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt nam và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

Việc đề xuất dựa trên cơ sở làm sáng tỏ lý luận và thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- *Một là*, tập hợp các quy định về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay.

- *Hai là*, nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận chung về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần được quy định trong các văn bản luật hiện hành.

- *Ba là*, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

- *Bốn là*, tìm ra những nguyên nhân dẫn đến việc thi hành các quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

- *Năm là*, trên cơ sở những bất cập được xác định, đề xuất những định hướng và những giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam và nâng cao hiệu quả thi hành các quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong thời gian tới.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về nền kinh tế thị trường, pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai luận văn, tác giả đã sử dụng đồng bộ một số các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

Luận văn sử dụng một số phương pháp sau:

- *Phương pháp phân tích, bình luận, tổng hợp, phương pháp so sánh đánh giá:* Phương pháp này được sử dụng tại Chương 1 làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

- *Phương pháp đánh giá, diễn giải, phân tích, đối chiếu, thống kê:* Phương pháp này được sử dụng tại Chương 2 nhằm phân tích quy định pháp luật, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

- *Phương pháp tổng hợp, quy nạp:* Phương pháp này được sử dụng tại Chương 3 khi nghiên cứu định hướng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Luận văn là một công trình khoa học đề cập đến vấn đề lý luận, thực tiễn về pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần một cách có hệ thống và chuyên sâu. Những đóng góp mới nổi bật của luận văn thể hiện ở những nội dung sau:

- Về mặt lý luận: Luận văn đã làm rõ được một số vấn đề lý luận cơ bản thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài như: Khái niệm, đặc điểm pháp lý của Công ty cổ phần; nội dung của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần. Đồng thời hệ thống hóa lại các quy định của pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần hiện nay.

- Về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ cung cấp những nội dung, thông tin quan trọng, tin cậy, có giá trị về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn cho việc đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra, luận văn cũng là tài liệu tham khảo cho các bạn học viên, sinh viên chuyên ngành luật trong quá trình học tập và nghiên cứu.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Kon Tum.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. Một số vấn đề lý luận về công ty cổ phần

1.1.1. Khái niệm về “Công ty cổ phần”

Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã đưa ra khái niệm cụ thể về CTCP như sau:

“1. Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

- a) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;*
- b) Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;*
- c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;*
- d) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật này.*

2. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty”¹

Theo đó, có thể hiểu CTCP là một loại hình doanh nghiệp mà vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi chung là cổ phần và được phát ra ngoài thị trường nhằm mục đích là huy động vốn tham gia đầu tư từ mọi thành phần kinh tế. Người sở hữu cổ phần được gọi là cổ đông. Các cổ đông góp vốn kinh doanh và chịu trách nhiệm trong phạm vi phần vốn góp của mình trên cơ sở tự nguyện để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh để thu lợi nhuận.

1.1.2. Đặc điểm của Công ty cổ phần

Từ khái niệm CTCP được quy định tại Điều 111 LDN 2020, có thể nhận thấy CTCP theo pháp luật Việt Nam có những đặc điểm sau:

Một là, vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giá trị mỗi cổ phần tại thời điểm thành lập công ty gọi là mệnh giá và được xác nhận bởi cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có thể xác nhận việc nắm giữ một hoặc một số cổ phần. Việc góp vốn vào công ty được thực hiện bằng cách mua cổ phần.

Hai là, thành viên của CTCP là người đã góp vốn vào công ty và được gọi là cổ đông. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân có số lượng tối thiểu là 3 và không giới hạn số lượng tối đa.

Ba là, CTCP có tư cách pháp nhân kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động độc lập, hoàn thiện về vốn và mang tính xã hội hoá cao.

Bốn là, CTCP có sự tách bạch về tài sản giữa tài sản của công ty và tài sản riêng của các cổ đông.

Năm là, cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần mà mình sở hữu, trừ trường hợp đó là cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập và cổ phần ưu đãi biểu quyết.

Sáu là, CTCP có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty để huy động vốn.

¹ Điều 111 LDN 2020

1.1.3. Vai trò của công ty cổ phần

Thứ nhất, CTCP có khả năng tập trung vốn nhanh chóng với quy mô lớn để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh lớn mà không một nhà tư bản riêng biệt nào đủ sức tạo nên.

Thứ hai, CTCP góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Thứ ba, CTCP cho phép xác nhận quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu và xác định rõ nguồn vốn của mỗi người thông qua số lượng cổ phần mà họ nắm giữ.

Thứ tư, CTCP có khả năng kết nối được các lực lượng kinh tế khác nhau và duy trì được mối quan hệ kinh tế giữa các thành viên trong công ty.

Thứ năm, CTCP là hình thức liên doanh tốt nhất để tranh thủ sự tham gia đầu tư của nước ngoài.

1.2. Khái quát pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

1.2.1. Khái niệm pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức của CTCP là tổng hợp các bộ phận (đơn vị và cá nhân) khác nhau, có mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, dùng để xác định vai trò, quyền hạn và trách nhiệm được phân công, sắp xếp theo từng cấp bậc khác nhau và phối hợp hiệu quả để thực hiện mục tiêu chung của công ty.

Để tìm hiểu pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP, ta dựa trên khái niệm về cơ cấu tổ chức của CTCP; qua nghiên cứu, có thể hiểu **“*Khái niệm pháp luật về cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh về vị trí, vai trò, quyền hạn và trách nhiệm và cơ chế tổ chức, vận hành, kiểm soát công ty cổ phần*”**.

1.2.2. Nội dung pháp luật về cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần

Luật doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam đã vận dụng những thông lệ quốc tế văn minh, tiến bộ về cơ cấu tổ chức của CTCP nhằm đảm bảo cho công ty phát triển ổn định, bền vững. Điều 137 LDN 2020 đã đưa ra hai mô hình tổ chức quản lý và hoạt động để các công ty lựa chọn, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Cụ thể:

- Mô hình thứ nhất gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và GD hoặc TGD. Trường hợp CTCP có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có BKS;

- Mô hình thứ hai gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT và GD hoặc TGD. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do HĐQT ban hành.

Nội dung pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP bao gồm các nhóm như sau:

Thứ nhất, quy định về Đại hội đồng cổ đông: Trong đó quy định về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi biểu quyết), là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP, là những người sở hữu công ty. Quy định về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ²; Quy định về cuộc họp ĐHĐCĐ thời gian, thành phần, địa điểm họp, thẩm quyền triệu tập thành phần dự họp, chương trình và nội dung cuộc họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp, hình

² Điều 138 LDN 2020

thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ, điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua, biên bản họp ĐHĐCĐ, hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ³; Quy định về thời hạn và thể thức hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ⁴; Quy định về thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ⁵.

Thứ hai, quy định về Hội đồng quản trị: bao gồm các quy định chung về HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ⁶; Quy định về thành viên HĐQT⁷; về quyền và nghĩa vụ của HĐQT⁸; Về cuộc họp của HĐQT; Về Ủy ban kiểm toán⁹.

Thứ ba, quy định về Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty: Nhóm này bao gồm các quy định điều chỉnh về GD hoặc TGD; trong đó quy định là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; Quy định về nhiệm kỳ của GD hoặc TGD¹⁰; Quy định về điều kiện của GD hoặc TGD; quy định về quyền và nghĩa vụ của GD hoặc TGD¹¹.

Thứ tư, quy định về Ban kiểm soát: Nhóm này bao gồm các quy định điều chỉnh về BKS của CTCP. Theo quy định của LDN, BKS được quy định như một cơ quan riêng trong cơ cấu tổ chức của CTCP, thực hiện nhiệm vụ giám sát HĐQT, GD hoặc TGD trong việc quản lý và điều hành công ty. Pháp luật quy định về số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn KSV và Trưởng BKS; Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS¹²; quy định về quyền và nghĩa vụ của BKS.

1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

Các yếu tố tác động đến pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP, bao gồm:

Thứ nhất, yếu tố chính trị

Thứ hai, hệ thống luật pháp

Thứ ba, mức độ tập trung sở hữu cổ phần của cổ đông trong CTCP.

1.4. Cấu trúc quản trị nội bộ Công ty cổ phần trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

1.4.1. Khái quát về cấu trúc quản trị Công ty cổ phần theo pháp luật

Trên thế giới có 2 mô hình quản trị công ty cơ bản là mô hình hội đồng 1 tầng (đơn lớp) và mô hình hội đồng 2 tầng (song lớp), theo đó:

- Mô hình hội đồng một tầng (đơn lớp) có trong Luật Công ty của hầu hết các nước thuộc hệ thống thông luật (common law) như: Mỹ, Anh, Australia, New Zealand, Canada, ...; cũng như không ít các nước thuộc dòng luật thành văn (civil law). Cấu trúc hội đồng đơn lớp, về cơ bản, được xây dựng theo mô hình luật công ty theo kiểu Anglo-American, mà Luật Công ty Hoa Kỳ là điển hình.

- Mô hình hội đồng 2 tầng (điển hình theo Luật Công ty của Cộng hòa Liên

³ Điều 139 đến Điều 152 LDN 2020

⁴ Khoản 3 Điều 142 LDN 2020

⁵ Điều 147 LDN 2020

⁶ Khoản 1 Điều 153 LDN 2020

⁷ Điều 154, 155 LDN 2020

⁸ Khoản 2 Điều 153 LDN 2020

⁹ Điều 161 LDN 2020

¹⁰ Khoản 1, 2 Điều 162 LDN 2020

¹¹ Điều 162 LDN 2020

¹² Điều 169 LDN 2020

bang Đức) có đặc điểm là cấu trúc quản trị, điều hành có 2 hội đồng theo thứ bậc và có sự tham gia nhất định của đại diện người lao động vào hội đồng phía trên. Cấu trúc quản trị theo mô hình hội đồng 2 tầng, gồm có: ĐHĐCĐ; Hội đồng giám sát và HĐQT¹³.

1.4.2. Cấu trúc quản trị nội bộ Công ty cổ phần ở một số nước trên thế giới

1.4.2.1. Cấu trúc quản trị nội bộ Công ty cổ phần của Hoa Kỳ

Hệ thống pháp luật Hoa Kỳ về quản trị công ty được coi là một trong những mô hình tiêu biểu nhất để xây dựng pháp luật cho quản trị công ty trên thế giới. CTCP của Mỹ thực hiện cơ chế quản lý “đơn lớp”, cơ quan chức năng thường trực của công ty chỉ có HĐQT. Quyền lực của ĐHĐCĐ được pháp luật quy định rõ ràng, các quyền lực không thuộc ĐHĐCĐ thuộc phạm vi của HĐQT.

1.4.2.2. Cấu trúc quản trị nội bộ của Công ty cổ phần của một số nước Châu Âu

Bên cạnh mô hình quản trị CTCP theo cấu trúc hội đồng đơn lớp, mô hình quản trị CTCP theo cấu trúc hội đồng “song lớp” đã tồn tại trong hầu hết luật công ty của các nước châu Âu, mà Luật Công ty Cộng hòa Liên bang Đức là một điển hình.

Luật CTCP của Đức năm 1998 quy định HĐQT là cơ quan quản lý điều hành và đại diện đối ngoại của công ty, nhưng về địa vị pháp lý thì vẫn đứng dưới BKS. Các thành viên của HĐQT và chủ tịch HĐQT do BKS bổ nhiệm, có nghĩa vụ phải báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước BKS. Các KSV và BKS do ĐHĐCĐ bầu và bổ nhiệm (trừ một số KSV là đại biểu của công nhân). ĐHĐCĐ còn có thể bổ nhiệm KSV đặc biệt để kiểm soát các nhiệm vụ của công ty¹⁴.

1.4.2.3. Cấu trúc quản trị nội bộ của Công ty cổ phần của Nhật Bản

Trong các CTCP của Nhật Bản, ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất. Cơ quan này bầu ra thành viên HĐQT và KSV để hình thành hai cơ quan chức năng thường trực là HĐQT (gọi là Hội đồng đồng sự) và BKS (gọi là Hội đồng giám sự).

1.4.3. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Nghiên cứu các mô hình quản trị công ty của các quốc gia trên thế giới có thể thấy rằng, hiện nay trên thế giới cơ bản tồn tại hai chế độ tổ chức quản lý CTCP khác nhau là đơn lớp và song lớp. Tuy nhiên, ở bất kỳ mô hình quản trị công ty nào cũng có những ưu điểm và hạn chế của nó.

Mô hình HĐQT đơn lớp được áp dụng tại Anh và Mỹ tạo điều kiện để ban giám đốc, đặc biệt là giám đốc điều hành phát huy được hết khả năng tự chủ, sáng tạo trong quản trị công ty, nhưng mô hình này cũng tạo ra sự lạm quyền của cấp quản lý.

Trong mô hình HĐQT song lớp, vai trò điều hành được tách biệt với vai trò giám sát mặc dù có hạn chế trong việc làm chậm tiến trình của việc ra quyết định, nhưng chi phí trung gian sẽ giảm.

So sánh với ba mô hình đã nêu trên, cấu trúc quản trị CTCP ở Việt Nam có nhiều điểm tương đồng nhất với mô hình của Nhật Bản, quy định cơ cấu quản lý CTCP gồm ĐHĐCĐ – cơ quan quyết định cao nhất của công ty; HĐQT – cơ quan chấp hành nghiệp vụ và đại diện công ty; BKS – cơ quan giám sát. HĐQT và BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, có nghĩa vụ báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước

¹³Nguyễn Hữu Trinh (2022), *Quản trị công ty cổ phần của các quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*

¹⁴Hà Thị Hồng Anh (2015), *Pháp luật về quản trị Công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng tại Công ty cổ phần Truyền thông Đại Dương*

ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS là hai cơ quan chức năng và thường trực có địa vị pháp lý ngang nhau.

Tiểu kết Chương 1

Trong chương này, tác giả đã làm rõ các nội dung:

1. Làm sáng tỏ được một số khái niệm cơ bản liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài, đó là khái niệm “Công ty cổ phần” và “pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần” từ đó tiến hành phân tích đặc điểm, vai trò của Công ty cổ phần trong nền kinh tế hiện nay.

2. Làm rõ nội dung của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần; trong đó tập trung phân tích nội dung điều chỉnh về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; từ đó luận văn có thể giải quyết một cách thỏa đáng những vấn đề mang tính lý luận của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

3. Làm rõ các yếu tố tác động đến pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

4. Phân tích cấu trúc quản trị nội bộ Công ty cổ phần trên thế giới, từ đó so sánh và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc quản lý, xây dựng cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần.

Việc nghiên cứu vấn đề lý luận về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần là những nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc phân tích và bình luận về pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần trình bày tại Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH KON TUM

2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý Công ty cổ phần

2.1.1. Thực trạng quy định về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

Để làm rõ thực trạng quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP, luận văn tiến hành phân tích thực trạng các quy định pháp luật của tất cả các cơ quan của hai mô hình QTCT nói trên, gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, GD/ TGD.

2.1.1.1. Đại hội đồng cổ đông

Về cơ bản LDN 2014 đã quy định cụ thể về thẩm quyền, cách thức, trình tự triệu tập họp ĐHĐCĐ, quyền dự họp, điều kiện, thể thức họp và thông qua quyết định của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên từ thực tế quản trị CTCP trong thời gian qua cho thấy LDN 2014 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định, vì vậy trên cơ sở kế thừa các quy định về quản trị CTCP trong LDN 2014, LDN 2020 đã phát triển và hoàn thiện thêm chế định đó về ĐHĐCĐ, cụ thể là:

Thứ nhất, về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

Ngoài các quy định về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ được quy định tại LDN 2014, LDN 2020¹⁵ bổ sung thêm một số quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ như (1) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS; (2) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, BKS; (3) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Thứ hai, quy định về kỳ họp của ĐHĐCĐ.

Theo quy định tại LDN 2020 thì “*Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính*”¹⁶. Ngoài ra còn có thể được gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thứ ba, quy định về thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ.

Theo quy định của LDN 2020, HĐQT được cho là đương nhiên có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

Ngoài ra, BKS cũng là chủ thể có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ¹⁷.

Ngoài HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty cũng là chủ thể có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT và BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ công ty.

Việc cho phép cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ trong một số trường hợp là nhằm bảo vệ quyền lợi của các cổ đông nhỏ trong công ty, nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực kiểm soát công ty của các cổ đông lớn và những chủ thể quản lý công ty (HĐQT và BKS). Tuy nhiên, tại LDN 2020 lại quy định HĐQT có quyền duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ

¹⁵ Điều 135 LDN 2014, Điều 138 LDN 2020

¹⁶ Khoản 2 Điều 139 LDN 2020

¹⁷ Khoản 3 điều 140 LDN 2020

họp ĐHĐCĐ¹⁸. Như vậy, nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên triệu tập họp ĐHĐCĐ mà HĐQT không thông qua chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp thì ĐHĐCĐ trong trường họp này có thể không tiến hành họp được. Điều này rất dễ xảy ra trong trường họp HĐQT lạm dụng quyền lực để tư lợi và không thông qua chương trình, nội dung cuộc họp.

Sự thiếu chặt chẽ và không họp lý như trên của LDN 2020 còn thể hiện ở điều kiện triệu tập họp ĐHĐCĐ. Luật không xác định rõ thế nào là “vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông và nghĩa vụ của người quản lý” và việc xác định vi phạm đến mức độ nào, trong trường họp nào là nghiêm trọng sẽ rất khó xác định trên thực tế.

Thứ tư, quy định về quyền dự họp.

LDN 2014 giao quyền cho công ty quy định về mẫu văn bản uỷ quyền người khác dự họp phân nào sẽ tạo nên sự thiếu đồng nhất trong các mẫu văn bản. Mẫu giấy uỷ quyền của một số công ty có khả năng chưa phù họp với quy định của pháp luật, khó có thể làm căn cứ để xem xét giải quyết khi có tranh chấp về quyền xảy ra. Nhằm khắc phục điểm hạn chế nêu trên, LDN 2020 đã quy định cụ thể về văn bản uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền và số lượng cổ phần được uỷ quyền¹⁹.

Ngoài ra, LDN 2020 đã bãi bỏ việc uỷ quyền cho một người tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và không giới hạn số lượng cổ phần được uỷ quyền. Theo đó, người được uỷ quyền có thể là cá nhân hoặc cũng có thể là tổ chức.

LDN 2020 đã mở rộng thêm hình thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Ngoài các hình thức bỏ phiếu đã được quy định tại LDN 2014, cổ đông có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù họp với quy định trong Điều lệ công ty.

Thứ năm, quy định về danh sách người có quyền dự họp và cách thức triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ

LDN 2020 đã tăng thời hạn gửi thông báo mời họp từ 10 ngày lên thành 21 ngày trước ngày khai mạc và tiếp tục giữ nguyên quy định việc đồng thời đăng tải thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty²⁰.

Thứ sáu, quy định về thể thức tiến hành họp và điều kiện thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ

LDN 2020 bổ sung thêm quy định về điều kiện thông qua nghị quyết trong trường họp nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thì chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc trong trường họp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, nghị quyết này phải được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.

Thứ bảy, quy định về phương thức bầu thành viên HĐQT và BKS

LDN 2014 và LDN 2020 đều quy định việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT

¹⁸ Điểm m khoản 2 Điều 153

¹⁹ Khoản 2 Điều 144 LDN 2020

²⁰ Khoản 1 Điều 143 LDN 2020

và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, nếu điều lệ công ty không quy định khác²¹.

2.1.1.2. Hội đồng quản trị

Tại Việt Nam, LDN đã quy định rất kỹ và chi tiết về vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT. Theo đó, HĐQT trong các CTCP ở Việt Nam là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên trong thực tế, công việc thường nhật của CTCP không hoàn toàn do HĐQT chịu trách nhiệm và giải quyết theo tập thể, thông qua ủy quyền, HĐQT đã bàn giao quyền lực không nhỏ xuống cho ban giám đốc.

Ở Việt Nam hiện nay, HĐQT đang ở giai đoạn tập quyền chứ chưa tiến tới đến “phân quyền”, các CTCP thường chịu ảnh hưởng nặng nề bởi một nhân vật là Chủ tịch HĐQT hoặc TGD²².

Thứ nhất, quy định về thành phần HĐQT

LDN 2014 và hiện nay là LDN 2020 đều quy định thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của công ty²³.

Thứ hai, quy định về số lượng, nhiệm kỳ thành viên HĐQT.

Giống với LDN 2014, LDN 2020 không quy định nhiệm kỳ của HĐQT mà chỉ quy định nhiệm kỳ của thành viên HĐQT. Theo đó, một nhiệm kỳ của thành viên HĐQT kéo dài nhiều nhất 05 năm. Tuy nhiên, thành viên HĐQT có thể được bầu lại không hạn chế số nhiệm kỳ. Như vậy, một thành viên HĐQT có thể hoạt động trong một, hai, ba hay nhiều nhiệm kỳ liên tục.

Tuy nhiên, khác với LDN 2014, LDN 2020 chỉ cho phép cá nhân là thành viên độc lập HĐQT hoạt động không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên độc lập HĐQT là những người mà ngoài quan hệ là thành viên HĐQT, không có một mối quan hệ nào với công ty có thể ảnh hưởng tới hoặc gây ảnh hưởng tới việc đưa ra quyết định độc lập của họ. Theo đó, việc hạn chế số lượng nhiệm kỳ của thành viên độc lập trong LDN 2020 sẽ đảm bảo tính độc lập của loại thành viên này. Bên cạnh đó, LDN 2020 cũng bỏ quy định về số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam.

Ngoài ra, LDN 2020 cũng quy định nếu tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ mà chưa có thành viên mới kế nhiệm thì các thành viên vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi tìm được thành viên mới thay thế và tiếp quản công việc. Tuy nhiên, nếu Điều lệ công ty quy định khác thì phải thực hiện theo Điều lệ công ty.

Thứ ba, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên độc lập HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò như người giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý, điều hành, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ. Muốn vậy, các thành viên HĐQT độc lập phải có sự độc lập nhất định đối với công ty, không liên quan về tài sản với công ty để tạo ra sự khách quan, vô tư trong quá trình hoạt động. LDN 2020 đã có quy định bổ sung thêm về điều kiện đối với thành viên độc lập HĐQT. Theo đó, ngoài những điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 151 LDN

²¹ Khoản 3 Điều 144 LND 2014 và khoản 3 Điều 148 LDN 2020

²² Trịnh Văn Tài (2016), *Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp ở nước ta hiện nay*

²³ Điểm b khoản 1 Điều 151 LDN 2014 và điểm b khoản 1 Điều 155 LDN 2020

2014 thì thành viên độc lập HĐQT không được là người đang làm việc cho công ty mẹ hoặc đã làm việc cho công ty mẹ trong 03 năm gần nhất²⁴.

Thứ tư, quy định về Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Theo quy định của LDN 2020, Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng không được kiêm GD hoặc TGD công ty. Đây là một quy định mới được bổ sung so với quy định của LDN 2014.

Bên cạnh đó, LDN 2020 còn bổ sung thêm quy định trong trường hợp Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT²⁵.

Thứ năm, quy định về Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là một ủy ban chuyên trách của HĐQT chịu trách nhiệm định hướng và giám sát một số lĩnh vực quản trị cụ thể bao gồm việc thiết lập, triển khai và đảm bảo tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ.

LDN 2020 quy định đối với mô hình không có BKS, CTCP bắt buộc phải có ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT²⁶. Quy định về Ủy ban kiểm toán là một quy định mới của LDN 2020.

Ủy ban kiểm toán là một cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT. Cơ quan này phải có ít nhất hai thành viên trở lên. Người đứng đầu Ủy ban kiểm toán là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán. Chủ tịch Ủy ban phải là thành viên độc lập Hội đồng. Các thành viên còn lại của Ủy ban phải là thành viên HĐQT không điều hành. Thành viên của Ủy ban kiểm toán không thể là TGD (GD), Phó TGD (Phó GD), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty²⁷.

2.1.1.3. Giám đốc, Tổng giám đốc

GD hoặc TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. GD hoặc TGD công ty do HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật thì GD hoặc TGD là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Nhiệm kỳ của GD hoặc TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế²⁸.

Nhìn chung, LDN 2014 đã quy định tương đối đầy đủ về quyền hạn, tiêu chuẩn, nhiệm vụ của GD/TGD của CTCP. Ngoài ra, LDN 2020 còn làm rõ và bổ sung thêm tiêu chuẩn, điều kiện đối với GD hoặc TGD của công ty đại chúng,

²⁴ Điểm a, khoản 2 Điều 155 LDN 2020

²⁵ Khoản 4 Điều 156 LDN 2020

²⁶ Điểm b Khoản 1 Điều 137 LDN 2020

²⁷ Khoản 56 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

²⁸ Khoản 1, khoản 2 Điều 162 LDN 2020

doanh nghiệp nhà nước và công ty con của doanh nghiệp nhà nước.

2.1.1.4. Ban kiểm soát

Trong các CTCP, đặc biệt là các công ty đại chúng và công ty niêm yết, vai trò của BKS là hết sức quan trọng. Ngoài chức năng chính là giám sát hoạt động của HĐQT, GĐ hoặc TGD, nhằm ngăn chặn và phát hiện những trường hợp sai phạm, thiếu sót, bất minh, bất hợp lý, xung đột lợi ích... trong việc quản lý, điều hành công ty. BKS còn đóng vai trò quan trọng trong việc đề xuất các biện pháp, giải pháp để hoạt động quản lý, điều hành công ty đạt được hiệu quả cao nhất.

Ở Việt Nam, BKS là cơ quan thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và GĐ hoặc TGD. BKS cũng không có nhiều quyền lực to lớn như Hội đồng giám sát trong CTCP ở Đức. Dù vậy, BKS vẫn có địa vị pháp lý khá phù hợp với vị trí của mình trong cơ cấu QTCT²⁹.

LDN 2014 mặc dù có quy định tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS nhưng các ràng buộc trong luật lại khá lỏng lẻo, còn nhiều kẽ hở. Chẳng hạn, quy định KSV không được “là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác”³⁰. Nhiều công ty đã lợi dụng kẽ hở này để đưa người thân vào BKS nhằm có thêm tiếng nói ủng hộ hơn là để kiểm soát. Để khắc phục hạn chế trên, LDN 2020 đã sửa đổi tiêu chuẩn trên thành KSV “không được là người có quan hệ gia đình của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác”³¹.

Ngoài ra, LDN 2020 còn làm rõ và bổ sung thêm tiêu chuẩn, điều kiện và quyền của BKS trong CTCP, cụ thể:

- LDN 2020 đã làm rõ hơn nguyên tắc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS là nguyên tắc đa số;

- Mở rộng các chuyên ngành đào tạo đối với một cá nhân để có thể đảm nhiệm vị trí Trưởng BKS và KSV³².

- LDN 2020 còn bổ sung quy định đối với vị trí KSV của công ty đại chúng, của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của LDN 2020 thì ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 169, còn phải đáp ứng điều kiện “không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty”³³

- Ngoài ra, LDN 2020 đã quy định bổ sung thêm quyền của BKS trong việc “rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông”³⁴.

2.1.2. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

2.1.2.1. Những ưu điểm của pháp luật

²⁹ Trịnh Văn Tài (2016), *Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp ở nước ta hiện nay*

³⁰ Điểm b khoản 1 Điều 164 LDN 2014

³¹ Điểm c khoản 1 Điều 169 LDN 2020

³² Khoản 2 Điều 168 LDN 2020; Điểm b khoản 1 Điều 169 LDN 2020

³³ Khoản 2 Điều 169 LDN 2020

³⁴ Khoản 3 Điều 170 LDN 2020

LDN 2020 ban hành có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2021 đã kịp thời sửa đổi, bổ sung những điều khoản và quy định mới nhằm phù hợp hơn với tình hình thực tế đang diễn ra đối với doanh nghiệp nói chung và cơ cấu tổ chức của CTCP nói riêng, đồng thời tháo gỡ những hạn chế, bất cập của LDN 2014, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, phù hợp hơn với xu hướng toàn cầu hoá. Cụ thể:

Thứ nhất, trên cơ sở vận dụng những quy định tiên bộ về cơ cấu tổ chức CTCP của các nước trên thế giới, pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức của CTCP đã có những thay đổi phù hợp hơn với thực tiễn và xu hướng phát triển của mô hình CTCP ở Việt Nam, đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ hơn giữa các quy định của LDN 2020 với các quy định hiện hành về chứng khoán và quy định về doanh nghiệp nhà nước đã được sửa đổi.

Thứ hai, các quy định pháp luật hiện nay đang tạo điều kiện thuận lợi hơn cho CTCP trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Thứ ba, pháp luật hiện hành đã có những quy định phù hợp với thông lệ tốt về quản trị doanh nghiệp như các thông lệ trong Bộ nguyên tắc của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) với bốn giá trị cốt lõi là sự công bằng, tính trách nhiệm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, hay việc áp dụng từng bước các nguyên tắc trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam vào thực tiễn quản lý, tổ chức CTCP...

2.1.2.2. Những hạn chế của pháp luật

Bên cạnh những ưu điểm như đã phân tích ở trên, pháp luật về cơ cấu tổ chức CTCP vẫn còn một số điểm hạn chế như sau:

Thứ nhất, về miễn nhiệm thành viên HĐQT, luật quy định rằng Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nếu người đó có đơn từ chức và được chấp thuận. Tuy nhiên, Luật không quy định rõ ai là người có thẩm quyền chấp thuận đơn từ chức đó. Quan trọng hơn, nếu như đơn từ chức không được chấp thuận thì hướng xử lý cụ thể sẽ như thế nào?

Thứ hai, về HĐQT và thành viên HĐQT, pháp luật Việt Nam quy định hình thức bầu dồn phiếu với mục đích là bảo đảm cổ đông thiểu số cũng có thể cử người của mình tham gia HĐQT nhằm tạo sự minh bạch trong công tác quản trị điều hành là chưa thực sự hiệu quả trong thực tế. Các quy định của pháp luật hiện hành còn chưa bảo vệ được những cổ đông thiểu số, những cổ đông mà luôn chịu sự chèn ép của những nhà quản lý và những cổ đông lớn trong CTCP.

Thứ ba, về thành viên độc lập HĐQT. Thành viên độc lập HĐQT hiện nay đang là một xu thế tất yếu trong CTCP trên thế giới. Tuy nhiên ở Việt Nam, các quy định pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về đối tượng này trong bộ máy của công ty cổ phần, điều này cần được nghiên cứu bổ sung. LDN mới chỉ đưa ra duy nhất một điều khoản về tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT³⁵.

Thứ tư, về ban kiểm soát. Thực tế ở Việt Nam cho thấy, pháp luật quy định về BKS trong CTCP còn mang tính hình thức, chưa thể hiện đầy đủ vai trò bảo vệ cổ đông và nhà đầu tư. Do đó, rủi ro mà nhà đầu tư và cổ đông phải gánh chịu từ sự "lép vế" của BKS là rất lớn.

³⁵ Khoản 2 Điều 155 LDN 2020

Thứ năm, vấn đề công khai, minh bạch hóa thông tin. Hiện nay, các quy định của pháp luật về công khai hóa thông tin còn mang tính hình thức, sơ sài, chưa có sự tương thích với thông lệ quốc tế. Các quy định của pháp luật cũng cho thấy sự hạn chế rất lớn trong cơ chế kiểm tra và giám sát các thông tin công bố ra ngoài của các CTCP. Điều này đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho thị trường, cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư và cho tất cả các bên liên quan³⁶.

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum

2.2.1. Những kết quả đạt được trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum

2.2.1.1. Tổng quan các điều kiện kinh tế - xã hội của Tỉnh Kon Tum có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty cổ phần

Kon Tum là tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, nằm ở phía bắc Tây Nguyên. Tỉnh Kon Tum hiện có 01 thành phố và 09 huyện, trong đó có 102 đơn vị hành chính cấp xã³⁷, tổng diện tích 9.690,5 km². Theo thống kê chính thức, dân số vào năm 2017 là 520.048 người, mật độ trung bình 54 người/km²³⁸. Đến năm 2021, dân số tỉnh Kon Tum tăng lên 567.000 người³⁹.

Tình hình kinh tế năm 2021 - năm đầu thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Kon Tum, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thiên tai đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân trong tỉnh. Với sự nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nhìn chung ổn định, có mặt chuyển biến tích cực, nhiều chỉ tiêu về kinh tế đạt kết quả cao hơn so với năm trước.

2.2.1.2. Tình hình hoạt động của các Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Theo số liệu thống kê của Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Kon Tum, tính đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 3.706 doanh nghiệp đang hoạt động với vốn đăng ký 38.245 tỷ đồng, trong đó: 2.710 doanh nghiệp đang hoạt động, 142 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động có thời hạn, 833 doanh nghiệp bị khoá trạng thái hoạt động. Con số này năm 2016 chỉ là 2.198 doanh nghiệp⁴⁰.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 có biểu hiện tăng dần theo từng năm và có xu hướng giảm vào năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Cụ thể: Năm 2016 có tổng số 214 doanh nghiệp được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 1.485 tỷ đồng⁴¹; Năm 2017 là 245 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.458,83 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2016⁴²; Năm 2018 con số này là 247 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 1.774,5 tỷ đồng⁴³, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm

³⁶ Võ Ngọc Dao (2017), *Bắt cập của pháp luật Việt Nam về quản trị công ty cổ phần*

³⁷ Công thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (2019), *Đơn vị hành chính*

³⁸ Công thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (2019), *Dân số và lao động*

³⁹ Công thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (2021), *Số liệu thống kê*

⁴⁰ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (2017), *Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2016*

⁴¹ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (2017), *Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2016*

⁴² Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (2018), *Đăng ký kinh doanh tại tỉnh Kon Tum năm 2017*

⁴³ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (2019), *Công tác đăng ký kinh doanh tại tỉnh Kon Tum năm 2018*

2017; Năm 2019 là 289 doanh nghiệp mới thành lập với tổng vốn đăng ký là 2.730,1 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2018⁴⁴; Năm 2020 có 374 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký trên 3.120 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2019⁴⁵. Năm 2021 tổng số doanh nghiệp thành lập mới là 302 doanh nghiệp với đạt 79,5% kế hoạch và bằng 80,8% so với cùng kỳ; tổng vốn điều lệ khoảng 7.300 tỷ đồng, đạt 219,4% kế hoạch và bằng 233,97% so với cùng kỳ⁴⁶.

2.2.1.3. Những kết quả đạt được trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nền kinh tế tỉnh Kon Tum đã có những bước phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, liên tục trong nhiều năm góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Trong thành tựu chung đó, có sự đóng góp đáng kể của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là sự tác động của hàng loạt cơ chế và chính sách khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế phát triển và khẳng định vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Mặc dù đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, tuy nhiên, thực trạng hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hầu hết có quy mô vừa, nhỏ hoặc siêu nhỏ; số lượng CTCP hiện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh tương đối nhỏ so với tổng số doanh nghiệp trên toàn tỉnh (513/3.706 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 13,8% tổng số doanh nghiệp). Năng lực quản trị, điều hành kinh doanh còn yếu, thiếu chiến lược kinh doanh, tinh thần khởi nghiệp của doanh nghiệp thấp, năng suất lao động và giá trị gia tăng cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn rất thấp.

Trong giai đoạn 2016-2020, công tác cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước được tỉnh Kon Tum thực hiện theo đúng lộ trình đặt ra. Đến nay, sau thời gian chuyển đổi, sắp xếp, toàn tỉnh còn 08 doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ; 02 CTCP do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 02 CTCP do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Những doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động tập trung vào các ngành, lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích; trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; xử lý kiến thiết. Nhìn chung, doanh nghiệp sau khi chuyển đổi hoạt động sản xuất, kinh doanh được duy trì ổn định. Tỉnh Kon Tum đã tập trung đổi mới tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và tích cực tiến hành chuyển một số đơn vị sự nghiệp thành CTCP⁴⁷.

Trên cơ sở những quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành nhiều chế độ, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đi đôi với quyền lợi thì các CTCP trên địa bàn tỉnh cũng xác định rõ hơn về nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên HĐQT và GD/TGD, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng; thiết lập chế độ thù lao, tiền lương gắn với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; yêu cầu công khai và minh bạch hoá, nhất là đối với những người quản lý...

⁴⁴ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (2020), *Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2019*

⁴⁵ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (2021), *Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020*

⁴⁶ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, *Chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp năm 2021*, Biểu số 01, tr.3/5

⁴⁷ Ngọc Chí, Công Luận (2021), *Tỉnh Kon Tum còn 08 doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ*

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum

2.2.2.1. Những hạn chế trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần tại tỉnh Kon Tum

Nhiều CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã và đang gặp phải các vấn đề liên quan đến tổ chức, quản lý công ty. Nhiều CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum còn chưa chủ động tiếp cận, cập nhật các quy định pháp luật cũng như ứng dụng các quy định đó vào thực tế quản lý CTCP của mình.

Các CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum được tổ chức với quy mô tương đối nhỏ, số lượng cổ đông không nhiều, quyền lực chủ yếu tập trung vào HĐQT của công ty.

Tại một số công ty, quyền tiếp cận thông tin của cổ đông vẫn bị xâm phạm. Một phần nhỏ cổ đông không tiếp cận được với thông tin của công ty hoặc không tiếp cận được thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực. Cổ đông thiểu số hầu như không nhận được thông báo về các quyết định của ĐHĐCĐ, không nhận được tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm, không nhận được cả thông báo về việc trả cổ tức... Bên cạnh các quyền cơ bản của cổ đông đang bị vi phạm, vẫn còn hiện tượng cổ đông lạm dụng quyền của mình khi nhận thấy lợi ích của bản thân bị xâm phạm.

Sự có mặt của các cổ đông nhỏ lẻ tại các kỳ họp ĐHĐCĐ gần như chỉ để đủ cơ cấu, không thể hiện được quyền của mình trong mọi vấn đề hoạt động của doanh nghiệp mà mình góp vốn. Chất lượng của các cuộc họp ĐHĐCĐ chưa cao vì mặc dù các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của các CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum diễn ra đúng trình tự, thủ tục pháp luật nhưng rất khó có thể đảm bảo tối đa quyền lợi cho các cổ đông tham dự họp trên thực tế, chất lượng các ý kiến góp ý tại cuộc họp ĐHĐCĐ cũng chưa cao. Hầu hết, Nghị quyết của ĐHĐCĐ chủ yếu là thông qua những nội dung mà HĐQT đã chuẩn bị sẵn.

HĐQT ở một số công ty còn thiếu tầm nhìn chiến lược, trình độ năng lực của thành viên HĐQT còn hạn chế, vẫn quen với cách làm việc trong chế độ quản lý “thuận tiện”.

Ngoài ra, BKS trong các CTCP ở tỉnh Kon Tum chủ yếu chỉ mang tính hình thức chứ chưa phát huy được hết chức năng giám sát của mình. Hoạt động giám sát nội bộ, độc lập, chuyên môn của BKS các công ty trên địa bàn tỉnh Kon Tum còn thiếu chuyên nghiệp, chưa đảm bảo vai trò của mình, không thể cân bằng lại được quyền lực của HĐQT, phục vụ cho lợi ích tối đa của công ty và cổ đông của công ty. Các KSV chủ yếu được đào tạo theo các hệ đào tạo không chính quy, hạn chế về mặt kinh nghiệm thực tế, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được những yêu cầu đặt ra của một KSV thật thụ theo quy định của pháp luật.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân từ phía các quy định của pháp luật:

Bên cạnh những mặt tích cực mà các quy định của pháp luật đã mang lại và qua thực tiễn như đã được phân tích ở trên, chúng ta có thể nhận thấy pháp luật về cơ cấu tổ chức CTCP còn tồn tại không ít vướng mắc, gây khó khăn trong việc thi hành. LDN chưa tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để định rõ quyền hạn và nghĩa vụ giữa các cổ đông, cơ quan trong công ty như ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, GD hoặc TGD.

Thứ hai, nguyên nhân từ phía các cơ quan nhà nước:

Việc triển khai và thực hiện các quy định của pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP cần nhiều sự nỗ lực hơn nữa từ các cơ quan quản lý Nhà nước và Chính quyền địa phương. Công tác tuyên truyền các quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP cần phải được triển khai sâu rộng hơn nữa đến mọi tầng lớp nhân dân. Chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý Nhà nước chưa thực sự quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của các cổ đông trong CTCP mà chỉ áp dụng LDN một cách chung chung, thiếu bám sát thực tế tình hình các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, nguyên nhân từ ý thức chấp hành pháp luật và ý thức học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ của các tổ chức, cá nhân có liên quan:

Việc chấp hành quy định pháp luật và tính tự giác của người quản lý CTCP chưa cao; người quản lý CTCP chưa chủ động cập nhật, nghiên cứu những thay đổi của pháp luật về cơ cấu tổ chức CTCP để áp dụng vào thực tiễn quản lý, vận hành công ty mình.

Các cổ đông trong công ty chưa nắm rõ được quyền và nghĩa vụ của mình được quy định như thế nào trong luật, chưa chủ động tìm tòi, nghiên cứu để nâng cao kiến thức pháp luật cho bản thân, từ đó không thể thực hiện và bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân.

Các CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa áp dụng các quy tắc, chuẩn mực quản lý tổ chức công ty tốt theo thông lệ quốc tế; chưa chủ động nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ các CTCP đang hoạt động hiệu quả trên phạm vi cả nước; chưa tạo điều kiện cho cổ đông tiếp cận thông tin công bố và nhận các thông tin trọng yếu của doanh nghiệp; chưa tạo điều kiện cho cổ đông thiểu số thực hiện quyền của họ thông qua việc cung cấp tài liệu họp ĐHĐCĐ.

Tiểu kết Chương 2

Những quy định về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020 là kết quả của một quá trình nghiên cứu và trải qua thực tế thi hành từ nhiều giai đoạn khác nhau. Các nhà làm luật đã học tập kinh nghiệm từ các nước tiên bộ và vận dụng một cách hợp lý vào Việt Nam.

Qua nghiên cứu tại Chương 2, tác giả đã làm rõ được các nội dung sau:

1. Phân tích và đánh giá được thực trạng pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.

2. Phân tích và đánh giá cụ thể thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Luận văn đã chỉ ra được những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế đó trong quá trình thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và thực tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tác giả cho rằng việc hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp nói chung và hoàn thiện chế định pháp lý về cơ cấu tổ chức của CTCP cần được thực hiện trên cơ sở đảm bảo các định hướng có tính nguyên tắc như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện nội dung của cơ cấu tổ chức CTCP phải căn cứ vào những đặc điểm của nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức công ty phải phù hợp với đặc điểm văn hóa kinh doanh của người Việt Nam.

Thứ ba, việc hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức CTCP phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ tư, việc hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức CTCP cần được đặt trong giải pháp tổng thể hoàn thiện pháp luật kinh tế.

Thứ năm, hoàn thiện các quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức CTCP phải đặt trong mối quan hệ hài hòa về lợi ích giữa các bên liên quan như HĐQT, BKS, các cổ đông... đặc biệt là lợi ích kinh tế.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần

Thứ nhất, hoàn thiện về khái niệm “người có liên quan”

Để hiểu rõ hơn về khái niệm này, luật cần quy định cụ thể những cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức nào được xem là “có khả năng chi phối hoạt động” của công ty, từ đó có thể giải thích rõ hơn khái niệm “người có liên quan”.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

LDN 2020 loại trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty ra khỏi phạm vi của Điểm a khoản 2 Điều 115, tức là cổ đông sẽ không có quyền tiếp cận loại tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty. Vấn đề ở đây là Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định về “bí mật kinh doanh” chứ không quy định thế nào là “bí mật thương mại”. Như vậy, công ty có thể lạm dụng loại trừ này để cho rằng một tài liệu nào đó là bí mật thương mại để từ chối không cho cổ đông tiếp cận.

Ngoài ra, phạm vi loại trừ là quá rộng. Một tài liệu, chẳng hạn như một bản hợp đồng nào đó phải được HĐQT thông qua, có thể chứa đựng hoặc “liên quan đến” bí mật thương mại, bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, thông tin mà cổ đông cần biết trong tài liệu đó không nhất thiết phải là bí mật thương mại, bí mật kinh doanh nào cả mà là những thông tin khác. Như vậy, loại trừ toàn bộ nội dung của tài liệu ấy là không cần thiết, bất hợp lý và thu hẹp quyền tiếp cận thông tin của cổ đông.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về miễn nhiệm thành viên HĐQT

Luật mới quy định rằng ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT nếu người

đó có đơn từ chức và “được chấp thuận”⁴⁸. Vấn đề là Luật không nói rõ ai có thẩm quyền chấp thuận đơn từ chức đó và cũng không chỉ ra hướng giải quyết khi đơn từ chức không được chấp thuận.

Do đó, cần hoàn thiện quy định này theo hướng quy định người có thẩm quyền xem xét, chấp thuận đơn từ chức của thành viên HĐQT và đề ra hướng giải quyết cụ thể đối với trường hợp đơn từ chức không được chấp thuận, liệu người có phải vẫn phải tiếp tục làm việc cho công ty và chính ĐHĐCĐ cũng không miễn nhiệm được người đó.

Thứ tư, hoàn thiện quy định về vị trí, vai trò của BKS nhằm tăng thêm sự độc lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS

Thực tế cho thấy BKS trong các CTCP hiện nay phần lớn hoạt động chỉ mang tính hình thức, hiệu quả giám sát chưa cao, còn phụ thuộc vào HĐQT và các thành viên của Ban GD. Do đó, cần hoàn thiện quy định này theo hướng tăng cường thêm quyền lực của BKS trong cơ chế quản lý, vận hành của CTCP. Theo đó, cơ chế hiệu quả nhất là các thành viên HĐQT và Ban GD không được quyền đề cử, giới thiệu và bỏ phiếu bầu ra các thành viên BKS. Bởi vì BKS không điều hành quản lý doanh nghiệp, mà đóng vai trò giám sát hoạt động của HĐQT và Ban GD. BKS cần phải được độc lập hoạt động, tránh tình trạng BKS hoạt động vì lợi ích của HĐQT. Các khoản thù lao của BKS phải do ĐHĐCĐ quyết định. Các khoản thù lao này không bị ảnh hưởng bởi HĐQT. Điều này sẽ góp phần làm tăng thêm sự độc lập trong hoạt động của BKS, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan này.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

Theo ý kiến của tác giả, việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về cơ cấu tổ chức các CTCP trên địa bàn tỉnh Kon Tum hiện nay có thể được giải quyết phần nào nhờ các giải pháp dưới đây:

Một là, nâng cao tổ chức hoạt động của ĐHĐCĐ

Hai là, cần tăng cường tính minh bạch trong các thoả thuận giữa cổ đông và công ty thông qua Điều lệ công ty.

Ba là, xác định rõ vai trò thực sự của BKS trong CTCP và lựa chọn cách thức tốt nhất để chủ thể này phát huy được chức năng giám sát.

Bốn là, chú trọng phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức của CTCP đến các cổ đông của công ty. Khuyến khích mọi người chủ động học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ, năng lực cho bản thân, nắm vững các quy định pháp luật để có thể tự bảo vệ quyền lợi của bản thân khi nhận thấy những quyền lợi ấy bị xâm phạm.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan hữu quan trong việc thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức tại các CTCP.

⁴⁸ Điều 160 LDN 2020

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum hiện nay, Chương 3 của Luận văn đã nghiên cứu và đề xuất các nội dung sau:

1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần.

2. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức mà các Công ty cổ phần ở Việt Nam có thể tham khảo.

3. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Tuy nhiên, vấn đề hoàn thiện cơ cấu tổ chức của công ty là một vấn đề phức tạp và đòi hỏi nhiều kinh nghiệm, vì vậy bản thân các thành viên trong Ban lãnh đạo trong công ty phải không ngừng học hỏi để đưa ra các giải pháp phù hợp.

KẾT LUẬN

Xuất phát từ thực tế khách quan do đòi hỏi của sự hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường. Do đó, việc hình thành các Công ty cổ phần và vấn đề cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần cần được nghiên cứu là tất yếu đối với quá trình phát triển mạnh của nền kinh tế thị trường. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp luôn gặp những thách thức lớn đặc biệt là các quy định về pháp luật liên quan. Do vậy, nghiên cứu về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần và đưa ra giải pháp nhằm đẩy mạnh hiệu quả thực hiện pháp luật về cơ cấu tổ chức có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần nói riêng.

Nghiên cứu những vấn đề pháp lý về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần ở Việt Nam có thể rút ra những kết luận sau:

Thứ nhất, ở Việt Nam do điều kiện lịch sử, xã hội tác động nên pháp luật Công ty cổ phần mới ra đời, tuy vậy nó đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hoạt động Công ty cổ phần ở Việt Nam.

Thứ hai, trong những năm gần đây, pháp luật về cơ cấu Công ty cổ phần ở Việt Nam đã dần được hoàn thiện. Luật Doanh nghiệp 2020 ra đời đã hạn chế được rất nhiều vấn đề bất cập của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014, tuy nhiên để phù hợp với sự phát triển đa dạng của Công ty cổ phần, phù hợp với nhiều quan điểm pháp luật tiến bộ trên thế giới, Luật Doanh nghiệp 2020 cần phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa, đồng bộ hóa các văn bản hướng dẫn thi hành và luật chuyên ngành để nâng cao hiệu quả áp dụng.

Thứ ba, từ việc phân tích, đánh giá những vấn đề pháp lý về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần ở Việt Nam và thực tiễn triển khai các quy định về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Kon Tum, dựa trên những đòi hỏi tất yếu của nền kinh tế thị trường, định hướng của Đảng và Nhà nước cũng như nhu cầu chính đáng của các nhà đầu tư, tác giả đã đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật nhằm hiểu đúng, đầy đủ các quy định về cơ cấu Công ty cổ phần là một việc làm cần thiết. Qua quá trình nghiên cứu đề tài này, tác giả hy vọng đóng góp một phần ý kiến vào việc hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần ở Việt Nam, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty cổ phần trên phạm vi cả nước và cụ thể hơn nữa là trên địa bàn tỉnh Kon Tum, qua đó thu hút các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho tỉnh Kon Tum ngày càng phát triển.

Pháp luật về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần là một vấn đề phức tạp và đa dạng nên luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế, tác giả mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, thầy giáo, cô giáo và các bạn để luận văn được hoàn thiện hơn.